

Số: 365 /QĐ-ĐHNA

Nghệ An, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2, năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ AN

Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-TTg ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An vào Trường Đại học Kinh tế Nghệ An và đổi tên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An thành Trường Đại học Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Xét hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2 năm học 2025 – 2026 của sinh viên Nhà trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2 năm học 2025 - 2026 cho 133 sinh viên thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổng số tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với 133 sinh viên là: 908.388.000 đồng (Chín trăm linh tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh sinh viên, các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- P.KH-TC;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, P. CTCT&HSSV.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Ngọc Hiếu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Quyết định số: ~~665~~ QĐ-ĐHNA ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Nghệ An về việc hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị Định 66)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ/tháng (60%*2,340,000)	Số tiền được hỗ trợ kỳ này	Số tiền đề nghị ngân sách cấp theo quy định	SV năm	Ghi chú
1	Lô Thị Hương Ly	14/07/2005	Mầm non K46A	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
2	Nguyễn Công Tú	28/09/2003	Thủ y K8.01	DT-HXN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	5	
3	Trương Công Giáp	16/05/2004	Thủ y K9A1	DT-HCN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	4	
4	Vi Thị Triều Băng	24/10/2004	Kế toán K9A1	DT-HN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	4	
5	Lương Thị Nhật	11/05/2004	Kế toán K9A1	DT-HCN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	4	
6	Lô Thị Kim Tú	08/03/2004	Kế toán K9A1	DT-HCN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	4	
7	Lang Thị Hằng Nga	07/02/2004	Kế toán K9A2	DT-HCN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	4	
8	Lang Thị Na	25/08/2001	QTKD K9A1	DT-HCN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	4	
9	Vi Dương Tuyền	23/01/2004	QTKD K9A1	DT-HCN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	4	
10	Xông Bá Tổng	07/07/2005	CNTT K10A1	DT- HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
11	Lô Quang Trung	11/07/2005	CNTT K10A1	DT- HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
12	Trương Văn Tình	25/09/2005	CNTT K10A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
13	Lô Anh Đôn	13/05/2005	CNTT K10A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
14	Lô Chí Linh	09/4/2001	Kế toán K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
15	Kha Thành Đạt	10/09/2005	Kế toán K10A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
16	Lương Thị Linh	15/01/2005	Kế toán K10A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
17	Lang Quỳnh Phương	10/11/2005	Kế toán K10A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
18	Vi Thị Tuyết	13/05/2005	Kế toán K10A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
19	Lương Thanh Tú	20/04/2005	Kế toán K10A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
20	Vi Thị Quỳnh Anh	12/11/2005	Kinh tế K10A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
21	Lô Thị Quỳnh Như	12/03/2005	Kinh tế K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
22	Lữ Thị Linh	01/06/2005	Marketinh K10A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
23	Cụt Văn Thiên	13/04/2004	Marketinh K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
24	Cụt Văn Sơn	08/03/2003	QLĐĐ K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
25	Vi Thị Nghiệp	10/03/2005	QTKD K10A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	



[Handwritten signature]

26	Lô Thị Minh Thư	11/07/2005	QTKD K10A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
27	Vi Ngọc Duy	01/06/2005	QTKD K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
28	Hà Thị Khánh Ly	03/09/2005	TCNH K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
29	Moong Văn Hùng	05/08/2003	Thú y K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
30	Hồ Bá Phong	05/06/2004	Thú y K10A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
31	Hoa Văn Phong	10/06/2005	Thú y K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	
32	Cụt Minh Hưng	18/06/2006	CNTT K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
33	Lâu Bá Thái	01/10/2006	CNTT K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
34	Cự Bá Thành	09/10/2006	CNTT K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
35	Vi Thị Diệu Thúy	14/01/2006	CNTT K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
36	Lê Khánh An	28/11/2006	CNTT K11A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
37	Vi Thái Khanh	09/12/2006	CNTT K11A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
38	Lương Thị Loan	21/09/2006	CNTT K11A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
39	Moong Văn Minh	28/04/2005	CNTT K11A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
40	Hà Thị Mai Trinh	15/03/2006	CNTT K11A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
41	Lương Khánh Duy	30/06/2006	CNTT K11A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
42	Cao Xuân Nguyên	19/08/2006	CNTT K11A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
43	Lang Hùng Sướng	04/04/2005	CNTT K11A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
44	Lâu Bá Trừ	07/09/2005	CNTT K11A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
45	Hà Thị Ly Hương	27/11/2005	Kế toán K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
46	Vi Thị Lệ	06/06/2006	Kế toán K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
47	Ven Thị Kiêng	06/02/2006	Kế toán K11A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
48	Lương Thị Lê Na	09/04/2006	Kế toán K11A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
49	Moong Văn Cảnh	03/04/2006	Kế toán K11A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
50	Hồ Bá Tênh	02/03/2006	Kinh tế K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
51	Lâu Bá Sĩ	06/06/2006	Lâm học K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
52	Lữ Văn Tường	27/03/2005	Lâm học K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
53	Quang Tiến Tài	14/03/2006	Marketing K11A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
54	Chích Văn Thân	16/08/2006	Marketing K11A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
55	Lữ Thị Nhi	24/05/2006	Marketing K11A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
56	Lương Văn La	02/11/2004	QLĐĐ K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	

AN
ON
HO
IE A
*

57	Lương Văn Sơn	02/10/2002	QLĐĐ K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
58	Xeo Văn Thoan	10/06/2006	QLĐĐ K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
59	Lô Tấn Ngọc Yên	26/12/2005	QLĐĐ K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
60	Vi Văn Nghĩ	24/02/2006	QLĐĐ K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
61	Lô Thị Ngọc Ánh	13/10/2006	QTKD K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
62	Kha Anh Vũ	17/10/2006	QTKD K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
63	Văn Thị Ánh Linh	25/07/2006	QTKD K11A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
64	Lương Thị Ánh Tuyết	20/10/2006	TCNH K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
65	Hoàng Thanh Tùng	07/07/2006	TCNH K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
66	Xông Y Hoa	07/09/2006	Thú y K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
67	Moong Văn Tiến	10/09/2006	Thú y K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
68	Lang Khánh Tùng	08/02/2006	Thú y K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
69	Nộc Văn Vinh	08/05/2006	Thú y K11A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	
70	Lâu Bá Cu	22/10/2007	CNTT K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
71	Lang Thị Phương Dung	28/06/2007	CNTT K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
72	Lâu Bá Già	13/06/2007	CNTT K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
73	Vi Văn Tuấn	16/12/2007	CNTT K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
74	Lô Tuấn Hưng	05/04/2007	CNTT K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
75	Lý Bá Ná	10/08/2007	CNTT K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
76	Và Bá Cảnh	11/12/2007	CNTT K12A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
77	Nguyễn Hoàng Anh Nguyễn	14/09/2006	CNTT K12A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
78	Và Bá Ca	09/05/2007	CNTT K12A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
79	Lương Văn Tuấn	29/11/2007	CNTT K12A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
80	Xông Bá Phồng	24/10/2007	CNTT K12A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
81	Lâu Y Sa	13/09/2007	CNTT K12A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
82	Lương Văn Nội	27/01/2007	CNTT K12A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
83	Lâu Bá Phong	23/04/2007	CNTT K12A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
84	Đặng Thị Phương Linh	15/03/2007	Kế toán K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
85	Kha Thị Thìn	11/08/2007	Kế toán K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
86	Lữ Thị Ánh Nguyệt	15/10/2007	Kế toán K12A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
87	Cụt Thị Duyên	13/07/2007	Kinh tế K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	

199

88	Lương Thị Ngọc Uyên	02/03/2007	Kinh tế K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
89	Vì Thị Huyền Trang	26/06/2006	Kinh tế K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
90	Moong Văn Tích	06/03/2007	Kinh tế K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
91	Lữ Thị Hà Giang	29/1/2007	Kinh tế K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
92	Lương Thị Hồng Kiều	04/07/2007	Kinh tế K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
93	Văn Thị Nhược Lang	25/07/2007	Marketing K12A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
94	Hồ Y Sánh	14/11/2007	Marketing K12A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
95	Moong Thị Huyền Trang	11/05/2007	NNA K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
96	Vì Thu Thủy	30/08/2006	NNA K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
97	Vì Thị Hải	22/08/2007	NNA K12A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
98	Lô Văn Huỳnh	07/02/2007	Thú y K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
99	Lương Ngọc Triều	25/05/2007	NNT K12A1	DT - HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
100	Lương Minh Tiến	25/04/2007	NNT K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
101	Vừ Y Xía	26/07/2007	NNT K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
102	Sầm Thị Thủy Linh	20/11/2007	NNT K12A1	DT - HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
103	Cầm Tuấn Tú	22/11/2007	NNT K12A2	DT - HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
104	Moong Thị Nguyệt	18/11/2007	NNT K12A2	DT - HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
105	Lữ Thị Hồng Mai	18/01/2007	NNT K12A3	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
106	Moong Thái Bảo	25/05/2007	QLĐĐ K12A1	DT - HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
107	Cựt Văn Hoàng	14/08/2005	QLĐĐ K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
108	Moong Văn Thìn	01/07/2006	QLĐĐ K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
109	Xeo Văn Bảo	11/10/2007	QLĐĐ K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
110	Lý Bá Địa	27/05/2007	QLĐĐ K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
111	Vì Thị Trang Nhi	27/03/2007	QTKD K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
112	Ngân Thị Huyền Trang	06/08/2007	QTKD K12A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
113	Lộc Thị Hiền Trân	01/09/2007	QTKD K12A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
114	Vì Thị Em Quyên	12/07/2007	QTKD K12A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
115	Lộc Chí Khiêm	22/10/2007	QTKD K12A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
116	Vì Thị Huyền Lục	28/07/2007	QTKD K12A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	
117	Lô Thái Bình	18/01/2004	QTKD K9A1	DT-HCN	03	1.404.000	4.212.000	4.212.000	4	Hồ sơ mới
118	Lữ Xuân Trường	03/07/2005	CNTT K10A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	Hồ sơ mới

119	Kha Văn Dũng	13/02/2007	QTKD K12A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	3	Hồ sơ mới
120	Lương Thiện Hữu	22/12/2006	CNTT K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	Hồ sơ mới
121	Lương Văn Trọng	23/03/2006	Kế toán K11A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	Hồ sơ mới
122	Hà Xuân Trường	20/03/2006	QTKD K11A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	Hồ sơ mới
123	Nông Văn Như	07/11/2006	Thú y K11A1	DT - HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	2	Hồ sơ mới
124	Mạc Thị Huệ	19/8/2007	CNTT K12A2	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
125	Nguyễn Thị Trà My	06/03/2007	Marketing K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
126	Lương Thị Trúc Sa	13/06/2007	Marketing K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
127	Vi Thị Mỹ Dung	22/05/2006	Marketing K12A2	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
128	Ngân Thị Thu Dung	25/9/2007	NNT K12A1	DT - HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
129	Lương Văn Khâm	08/01/2007	CNTT K12A1	DT - HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
130	Lương Văn Lâm	29/11/2007	NNT K12A3	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
131	Hùng Khánh Hưng	17/09/2007	Thú y K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
132	Lô Thị Cẩm Vân	29/06/2007	TMĐT K12A1	DT-HCN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
133	Lô Trọng Kiên	7/10/2007	TMĐT K12A1	DT-HN	05	1.404.000	7.020.000	7.020.000	1	Hồ sơ mới
	Tổng: 133 sinh viên						908.388.000	908.388.000		

(Bảng chữ: Chín trăm linh tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng)

Ngày 28 tháng 4 năm 2026



Hiệu trưởng

Kế toán trưởng

TP. KH - TC

TP. CTCT & HSSV

Người lập

Nguyễn Ngọc Hiếu

Nguyễn Thị Hồng Ngọc

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Quốc Sơn

Nguyễn Thị Thu Hương

NGHỆ